TÒA ÁN NHÂN DÂN
QUẬN Ô MÔN
THÀNH PHỐ CẦN THƠ

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Bản án số: 05/2018/KDTM-ST
Ngày: 12-6-2018
V/v tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN QUẬN Ô MÔN –THÀNH PHỐ CẦN THƠ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Bùi Trần Thanh Thế.

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Phan Thanh Sơn.

2. Ông Hồ Quốc Trung.

- Thư ký phiên tòa: Bà Phan Thị Như Ngọc – Thư ký Tòa án nhân dân quận Ô Môn.

Trong ngày 12 tháng 6 năm 2018, tại trụ sở Tòa án nhân dân quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 02/2018/TLST-KDTM ngày 16/01/2018 về việc "Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2018/QĐXXST-KDTM ngày 08/5/2018 và Quyết định hoãn phiên tòa số 09/2018/QĐST-KDTM ngày 28/5/2018 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà H1 – Tổng Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Lô A, Khu công nghiệp N, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ.

Người đại diện hợp pháp của nguyên đơn: Bà **Mai Thị Ngọc O**, sinh năm 1994. Là người đại diện theo ủy quyền *(Văn bản ủy quyền ngày 14/11/2017)*

Địa chỉ: Số U, đường V, phường B, quận K, thành phố Cần Thơ. (Có mặt)

Bị đơn: **Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà Trần Thị Kim Y – Giám đốc.

Địa chỉ trụ sở: Lô E, đường số X, Khu công nghiệp N, phường P, quận M, thành phố Cần Thơ. (Vắng mặt)

NỘI DUNG VỤ ÁN:

** Theo đơn khởi kiện ngày 18/12/2017 và quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H (do bà Mai Thị Ngọc O đại diện) trình bày:*

Ngày 13/01/2015, Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến phụ phẩm thủy sản H (gọi tắt là Công ty H – Bên A) đã ký với Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M (Gọi tắt là công ty M - Bên B) hợp đồng số HONO-THIENMA13012015 về việc bên A đồng ý mua phụ phẩm cá Basa, cá Tra theo thực tế sản xuất tại nhà máy của bên B. Phụ phẩm bao gồm: đầu, xương, vây, ức, nội tạng, da, vụn sửa cá, các loại mỡ cá … Giá thành: 7.200 đồng/kg (hàng hóa không chịu VAT).

Theo điều khoản phương thức thanh toán (Điều 7) thì cứ 07 ngày hai bên sẽ kết toán 01 lần, trong vòng 02 ngày sau khi nhận được bản gốc hóa đơn tài chính của bên B, bên A sẽ thanh toán 100% tiền hàng cho bên B.

Theo điều khoản phương thức ký quỹ (Điều 8) thì sau khi ký kết hợp đồng, trong vòng 01 ngày làm việc bên A ký quỹ cho bên B số tiền là: 3.000.000.000 VNĐ (Ba tỷ đồng).

Theo điều khoản Vi phạm hợp đồng (Điều 9) thì các hành vi được xem như vi phạm hợp đồng là Bên B trong thời hạn hợp đồng, giao hàng không đúng loại hàng, số lượng và chất lượng; Liên tục 07 ngày bên B không giao hàng hoặc giao hàng không đúng chất lượng. Khi một trong hai bên vi phạm hợp đồng gây tổn thất cho bên còn lại thì bên bị vi phạm hợp đồng có quyền yêu cầu giám định, thống nhất mức độ tổn thất, và yêu cầu bên vi phạm bồi hoàn.

Theo điều khoản chấm dứt hợp đồng và cách thức hoàn trả tiền đặt cọc (Điều 10) thì trường hợp khi hợp đồng chấm dứt, trong thời hạn 03 ngày làm việc tính từ ngày bên A có văn bản thông báo chấm dứt hợp đồng, bên B phải chuyển trả toàn bộ 1 lần tổng số tiền ký quỹ vào tài khoản của bên A. Nếu quá thời hạn nêu trên, bên B chưa hoàn trả tiền ký quỹ sẽ phải chịu thêm tiền phạt với mức lãi suất 2%/tháng.

Sau khi ký hợp đồng, ngày 14/01/2015 công ty H đã tiến hành ký quỹ số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty M. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vi phạm hợp đồng giữa hai bên. Căn cứ vào hợp đồng

thì từ ngày ký hợp đồng 13/01/2015 đến nay Công ty M không giao hàng cho Công ty H mà không có một sự thông báo nào. Công ty H đã nhiều lần liên hệ, tuy nhiên phía Công ty M né tránh không giải quyết.

Tính đến nay, Công ty M đã cấn trừ công nợ cho Công ty H số tiền 1.000.000.000 đồng, chia làm 04 lần như sau:

- Lần 1, vào ngày 21/7/2015 đã trả số tiền 700.000.000 đồng;
- Lần 2, vào ngày 3/8/2015 đã trả số tiền 100.000.000 đồng;
- Lần 3, vào ngày 26/08/2015 đã trả số tiền 100.000.000 đồng;
- Lần 4, vào ngày 26/11/2015 đã trả số tiền 100.000.000 đồng.

Nay, Công ty H yêu cầu Tòa án buộc Công ty M thanh toán cho Công ty H số nợ gốc là 2.000.000.000 đồng và số tiền lãi tạm tính từ ngày 26/11/2015 đến ngày 28/02/2018 là 406.000.000 đồng.

Tại đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/5/2018, bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M (do bà Trần Thị Kim Y đại diện) trình bày:

Trong quá trình tiếp nhận và điều hành Công ty M sau khi người đại diện theo pháp luật của Công ty M là ông Phan Bá T bị Cơ quan Cảnh sát điều tra tạm giữ để tiến hành điều tra theo Quyết định khởi tố vụ án số 20/C46-P10 ngày 30/3/2016 đến nay vẫn chưa được gặp mặt ông Phan Bá T để trao đổi công việc có liên quan đến các hợp đồng kinh tế và các nội dung có liên quan để cung cấp cho Tòa án vì tất cả các hợp đồng kinh tế và thỏa thuận giữa hai Công ty chỉ có ông Phan Bá T và Công ty Trách nhiệm hữu hạn Chế biến phụ phẩm thủy sản H trực tiếp ký kết và nắm rõ nhất. Kính đề nghị Tòa án gặp trực tiếp ông Phan Bá T để làm rõ hơn hoặc tạm hoãn vụ án này đến khi kết thúc vụ án số 20/C46-P10 ngày 30/3/2016 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Bộ Công an.

Hiện nay do bận công việc rất nhiều nên tôi không thể tiếp tục tham gia vụ án được.

Vì vậy, tôi làm đơn đề nghị được vắng mặt trong tất cả các buổi làm việc của Tòa án và xin được vắng mặt trong tất cả các phiên xét xử của Tòa án các cấp. Đề nghị Tòa án xem xét và giải quyết vụ án theo quy định của pháp luật.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tống đạt Thông báo thụ lý vụ án, Thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải hợp lệ đối với bị đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M để tham gia tố tụng tại Tòa án nhưng bị đơn nhiều lần vắng mặt. Do đó, vụ án thuộc trường hợp không tiến hành hòa giải được nên Tòa án chỉ tiến

hành kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ mà không tiến hành hòa giải theo quy định tại Điều 207 và Điều 208 Bộ luật tố tụng dân sự.

Tại phiên tòa,

- Nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền nợ gốc 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)*, nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi.

- Bị đơn vắng mặt không có lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về quan hệ pháp luật: Nguyên đơn và bị đơn có giao kết hợp đồng mua bán, sau đó phát sinh tranh chấp nên xác định quan hệ pháp luật trong vụ án này là "*Tranh chấp hợp đồng mua bán hàng hóa*". Đây là tranh chấp phát sinh trong hoạt động kinh doanh thương mại giữa pháp nhân với nhau và đều có mục đích lợi nhuận, thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại Khoản 1 Điều 30, Điểm b Khoản 1 Điều 35 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[2] Về thủ tục tố tụng: Bị đơn Công ty M đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do nên Hội đồng xét xử quyết định tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn theo quy định tại Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung vụ án: Ngày 13/01/2015, Công ty H và Công ty M có ký kết Hợp đồng mua bán phụ phẩm cá số HONO-THIENMA13012015. Theo thỏa thuận, Công ty H đồng ý mua phụ phẩm cá ba sa, cá tra theo thực tế sản xuất tại nhà máy của Công ty M. Phụ phẩm bao gồm: đầu, xương, vây, ức, nội tạng, da, vụn sửa cá, các loại mỡ cá … Giá thành là 7.200 đồng/kg (hàng hóa không chịu VAT).

Ngày 14/01/2015, Công ty H đã ký quỹ số tiền 3.000.000.000 đồng cho Công ty M. Tuy nhiên, trong quá trình thực hiện hợp đồng, Công ty M đã vi phạm Điều 9 của hợp đồng mà hai bên đã ký kết, cụ thể, Công ty M đã không giao hàng cho Công ty H mà không thông báo gây tổn thất cho Công ty H. Do đó, Công ty H đã chấm dứt hợp đồng và yêu cầu được nhận lại số tiền ký quỹ theo thỏa thuận tại Điều 10 của hợp đồng. Tuy nhiên, Công ty M chỉ cấn trừ công nợ cho Công ty H 04 lần với tổng số tiền 1.000.000.000 đồng, còn lại số tiền 2.000.000.000 đồng cho đến nay Công ty M vẫn chưa thanh toán cho Công

ty H. Do đó, Công ty H khởi kiện Công ty M để yêu cầu trả lại số tiền ký quỹ 2.000.000.000 đồng.

[4] Xét yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Để chứng minh cho yêu cầu khởi kiện của mình, nguyên đơn đã cung cấp 01 Biên bản xác nhận công nợ ngày 26/11/2015 và 01 xác nhận công nợ ngày 02/01/2016. Các tài liệu này đã được xác nhận bởi người đại diện theo pháp luật của Công ty M (tại thời điểm xác nhận) là ông Phan Bá T. Nội dung xác nhận việc Bên A (Công ty H) có trả tiền ký quỹ cho Bên B (Công ty M) 3.000.000.000 đồng, sau khi cấn trừ công nợ giữa hai bên thì Bên B còn nợ lại Bên A số tiền 2.000.000.000 đồng. Từ đó cho thấy, hợp đồng mua bán giữa Công ty H và Công ty M là có thật và cho đến nay Công ty M vẫn chưa trả số tiền ký quỹ còn lại cho Công ty H. Do đó, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn về việc đòi bị đơn trả số tiền ký quỹ 2.000.000.000 đồng là có căn cứ nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

Theo đơn khởi kiện, nguyên đơn yêu cầu bị đơn thanh toán số tiền lãi từ ngày 26/11/2015 đến ngày 28/02/2018 là 406.000.000 đồng. Tuy nhiên, tại phiên tòa, đại diện nguyên đơn rút lại yêu cầu tính lãi. Xét đây là sự tự nguyện của đương sự nên Hội đồng xét xử căn cứ Khoản 1 Điều 217 Bộ luật tố tụng dân sự đình chỉ giải quyết một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là phù hợp.

Đối với ý kiến của đại diện Công ty M về việc Hợp đồng do ông Phan Bá T ký kết với Công ty H nên yêu cầu Tòa án gặp trực tiếp ông T để làm rõ. Hội đồng xét xử xét thấy, đây là giao dịch dân sự được thực hiện giữa pháp nhân với pháp nhân. Tại thời điểm giao kết hợp đồng, ông Phan Bá T với tư cách là Giám đốc đại diện cho Công ty M xác lập hợp đồng với Công ty H, không phải với tư cách cá nhân ông T. Hiện nay Công ty M đã thay đổi người đại diện theo pháp luật, tức ông T không còn là Giám đốc Công ty nên vụ việc tranh chấp này không liên quan đến ông T. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy không cần thiết phải xác minh, lấy lời khai của ông T.

Vả lại, Đơn đề nghị xét xử vắng mặt ngày 05/5/2018 của Công ty M có nội dung không rõ ràng; đồng thời Công ty M lại không tham gia tố tụng trong suốt quá trình giải quyết vụ án nên Tòa án không thể giải quyết được các yêu cầu này của Công ty M.

Từ những phân tích trên cho thấy, yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ nên cần buộc bị đơn trả cho nguyên đơn số tiền ký quỹ 2.000.000.000 đồng.

[5] Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Do yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn được chấp nhận nên bị đơn phải chịu án phí theo quy định. Nguyên đơn được nhận lại tiền tạm ứng án phí đã nộp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Điều 30, Điều 35, Điều 147, Điều 217, Điều 266, Điều 271 và Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.
- Điều 34, Điều 37 và Điều 306 Luật thương mại.
- Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH 14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1/ Chấp nhận một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H.

Buộc Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M trả cho Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H số tiền 2.000.000.000 đồng *(Hai tỷ đồng)*.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, nếu người phải thi hành án chậm thi hành thì phải trả tiền lãi theo lãi suất nợ quá hạn trung bình trên thị trường tại thời điểm thanh toán tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành.

2/ Đình chỉ một phần yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H đối với số tiền lãi là 406.000.000 đồng *(Bốn trăm lẻ sáu triệu đồng)*.

- Về án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm: Công ty Trách nhiệm hữu hạn Xuất nhập khẩu thủy sản M phải nộp số tiền 72.000.000 đồng *(Bảy mươi hai triệu đồng)*.

Công ty Trách nhiệm hữu hạn chế biến phụ phẩm thủy sản H được nhận lại số tiền 36.000.000 đồng *(Ba mươi sáu triệu đồng)* theo biên lai thu tạm ứng án phí số 001692 ngày 15/01/2018 tại Chi cục Thi hành án dân sự quận Ô Môn, thành phố Cần Thơ.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án, đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo. Đối với đương sự vắng mặt, được quyền kháng cáo

bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án, người phải thi hành án có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- TAND TP.Cần Thơ;
- VKSND TP.Cần Thơ;
- VKSND Q. Ô Môn;
- Chi cục THADS Q.Ô Môn;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Bùi Trần Thanh Thế